

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG
 Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
 Ngày: 30/11/2018
 Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn Sỹ**

Ông **Nguyễn Đình Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 443/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị T** - sinh năm 1972; Địa chỉ: K08/30 đường T, tổ 54, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng - Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **Huỳnh U** - sinh năm 1958; Địa chỉ: Phòng 406, nhà 1 chung cư hạ tầng ưu tiên đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Huỳnh U đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại Phòng 406, nhà 1 chung cư hạ tầng ưu tiên đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông U không có trách nhiệm với gia đình, sa vào cờ bạc, tôi khuyên bảo nhiều lần không được. Nhiều lần vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, tình cảm không còn. Hiện nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tôi không còn tình cảm với ông U nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông Huỳnh U không có.

Bị đơn - ông Huỳnh U đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Sau khi Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông Huỳnh U đã đến Tòa án ghi bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2018 với nội dung xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình, quan điểm không hợp và đồng ý ly hôn; về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung ông Huỳnh U xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn bà Trương Thị T với bị đơn ông Huỳnh U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn - ông Huỳnh U được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh U vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Huỳnh U.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Huỳnh U thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T và ông Huỳnh U đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chính quyền địa phương nơi bà Trương Thị T và ông Huỳnh U cư trú xác nhận bà Trương Thị T và ông Huỳnh U thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, việc vợ chồng hiện nay sống ly thân là có thật. Tại bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2018 ông Huỳnh U cũng xác nhận vợ chồng mâu thuẫn và thống nhất ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị T và ông Huỳnh U xác nhận bà Trương Thị T và ông Huỳnh U không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trương Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trương Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005769 ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trương Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 147, Điều b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;
- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của bà Trương Thị T đối với ông Huỳnh U.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị T được ly hôn ông Huỳnh U.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trương Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trương Thị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005769 ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trương Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND q. Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự q. Liên Chiểu;
- UBND phường H, quận T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Hương